

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẢNG BÀNG
TỈNH TÂY NINH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 87/2018/HNGĐ-ST.
Ngày 04-10- 2018.
V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Văn Trường.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Hồ Văn Khang;

Ông Ngô Minh Lý.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huỳnh Như là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thương - Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 10 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 386/2018/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 7 năm 2018 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con chung theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 114/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Anh Lê Tấn L, sinh năm 1976; trú tại: Ấp C, xã H, huyện G, tỉnh Tây Ninh. Có mặt.

Bị đơn: Chị Hà Thị G, sinh năm 1978; trú tại: Ấp P, xã A, huyện T, tỉnh Tây Ninh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 12 tháng 6 năm 2018 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn anh Lê Tấn L trình bày:

Anh và chị G sau khi tìm hiểu khoảng 02 tháng thì cưới nhau vào năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 03/4/2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống bên gia đình chị G đến năm 2012 thì vợ chồng ly thân cho đến nay. Nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không ai

quan tâm đến ai. Từ khi ly thân đến nay hai bên không có thiện chí hàn gắn. Nay anh yêu cầu được ly hôn với chị G.

Về con chung: Vợ chồng có một con chung tên Lê Trúc P sinh ngày 11/4/2007 hiện đang sống với chị G. Khi ly hôn, con theo ai thì người đó nuôi, nếu con theo vợ thì anh không đồng ý cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 09 tháng 7 năm 2018, bị đơn chị Hà Thị G trình bày:

Nhận thấy như lời trình bày của anh L về hôn nhân, con chung, tài sản chung, nợ chung. Riêng về nguyên nhân mâu thuẫn chỉ do chị đi làm xe bị hư nên chị mua xe khác mà không có báo cho anh L biết. Ngoài ra vợ chồng không còn mâu thuẫn gì khác.

Chị G lúc đầu yêu cầu được ly hôn và yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nhưng anh L không đồng ý cấp dưỡng nên chị G yêu cầu được đoàn tụ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

Về tố tụng: Việc tuân thủ pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án, từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ về quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014 xem xét quyết định:

- Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh Lê Tấn L.
- Về con chung: Giao chị G tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Buộc anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu nên không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn chị Hà Thị G vắng mặt đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai. Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị G là phù hợp theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị G và anh L tự nguyện chung sống với nhau từ năm 2006, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã H ngày 03/4/2007. Anh chị thừa nhận trong thời gian chung sống có phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng thiếu tôn trọng nhau. Nay anh L yêu cầu ly hôn, chị G yêu cầu đoàn tụ. Tuy nhiên từ khi ly thân đến nay hơn 05 năm nhưng anh chị không có biện pháp để vợ chồng hàn gắn. Hội đồng xét xử xét thấy có căn cứ khẳng định mâu thuẫn giữa chị G và anh L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của anh L là phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Cháu Lê Trúc P, sinh ngày 11/4/2007 hiện đang sống với chị G. Khi ly hôn, chị G yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng, yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi ly thân đến nay chị G nuôi dưỡng con chung, cháu P có nguyện vọng được sống với mẹ nên cần giao cháu P cho chị G tiếp tục nuôi dưỡng, anh L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng số tiền 700.000 đồng là phù hợp quy định tại Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình. Anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[6] Về án phí: Anh L là nguyên đơn nên phải chịu án phí theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 56, Điều 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử :

1. Về hôn nhân: Anh Lê Tấn L được ly hôn với chị Hà Thị G.

2. Về con chung: Giao cháu Lê Trúc P, sinh ngày 11/4/2007 cho chị Hà Thị G trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Lê Tấn L có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu P mỗi tháng số tiền 700.000 (bảy trăm nghìn) đồng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi cháu P đủ 18 tuổi.

Anh L được quyền thăm nom con chung, không ai được quyền cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015.

5. Về án phí: Anh Lê Tấn L phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và cấp dưỡng nuôi con là 600.000 đồng, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0016181 ngày 05/7/2018 của Chi Cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng; Anh L còn phải nộp tiếp số tiền 300.000 (ba trăm nghìn) đồng.

6. Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

7. Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Chị G vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TA Tây Ninh;
- VKS H. Trảng Bàng;
- Chi cục THADS H. Trảng Bàng;
- UBND xã H, huyện G;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu án văn;
- Các đương sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trần Văn Trường